

# VĂN BẢN NGŨ CHẾ THIÊN CƠ DỰ TRIỆU THI 御製天機預兆詩 CỦA VUA MINH MỆNH TẠI ĐÀ LẠT

THE NGU CHE THIEN CO DU TRIEU THI BY MINH MENCH KING IN DALAT

Nguyễn Huy Khuyển

NCS Học viện Khoa học Xã hội

Email: nguyengkhuyn.vnn@gmail.com

## TÓM TẮT

*Ngũ chế thiên cơ dự triệu thi* là bộ ngũ chế của vua Minh Mệnh sáng tác. Tuy nhiên, khi vua Minh Mệnh mất thì bộ sách này vẫn chưa được khắc in. Khi Thiệu Trị lên ngôi, để tưởng nhớ công đức vua cha đã cho tập hợp các sáng tác của vua Minh Mệnh và cho khắc in. Do đó, bộ sách này nhiều người vẫn lầm tưởng là của Thiệu Trị. Song trong khi nghiên cứu về bộ sách này, chúng tôi nhận thấy đây là thơ của Minh Mệnh. Bộ ngũ chế này mặc dù là của Minh Mệnh nhưng đến nay vẫn chưa được nghiên cứu và giới thiệu. Ngay cả văn bản bộ sách cũng chưa được phổ biến, hiện nay chỉ mới tìm thấy bộ duy nhất tại Đà Lạt. Vì vậy, chúng tôi xin được giới thiệu bộ sách này đến độc giả quan tâm nghiên cứu.

**Từ khóa:** Ngũ chế thiên cơ dự triệu thi; vua Minh Mệnh.

## ABSTRACT

The *Ngũ Chế Thiên Cơ Dự Triệu Thi* was written by Minh Menh King. However, this work was not printed after Minh Menh had died. When Thieu Tri came to the throne, he had the writing works by Minh Menh gathered and published in order to pay tribute to his father. Therefore, it was misunderstood that the work was written by Thieu Tri King. Though the researching process, it was found that the *Ngũ Chế* belongs to Minh Menh King. However, it has not been researched and published until now. Even its text has not been popular, and currently it is only found in Dalat. Thus, this paper introduces this work to readers who have an interest in researching.

**Key words:** Ngũ Chế Thiên Cơ Dự Triệu Thi; Minh Menh King.

## 1. Mở đầu

Lâu nay, khi nghiên cứu về thơ ngũ chế của vua Minh Mệnh, các nhà nghiên cứu mới chỉ tập trung khai thác các bài thơ trong *Ngũ chế thi tập* mà chưa có điều kiện để khai thác các văn bản Ngũ chế thi khác. Trong quá trình nghiên cứu về thơ vua Minh Mệnh, chúng tôi có tìm thêm được một văn bản *Ngũ chế thiên cơ dự triệu thi* 御製天機預兆詩 đang lưu trữ và bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV – Đà Lạt.

Đây là văn bản được in trực tiếp từ ván in mộc bản được chuyển từ Huế lên Đà Lạt năm 1960. Bộ ngũ chế thi này hiện nay vẫn chưa tìm được thêm một bản nào ngoài bản in ở Đà Lạt. Nhận thấy, đây là bộ sách quý để nghiên cứu, bổ sung số lượng thơ của vua Minh Mệnh nên chúng tôi bước đầu tiến hành nghiên cứu giới thiệu văn bản này đến độc giả và những ai quan tâm đến thơ vua Minh Mệnh.

Văn bản *Ngũ chế thiên cơ dự triệu thi* là

một văn bản có sự kết hợp tiêu đề bài thơ khá lạ. Tác giả đã sử dụng các Thiên can để đặt tiêu đề từ 1 – 100. Văn bản hoàn chỉnh của bộ sách này gồm 2 quyển Thượng và Hạ, song bản *Ngũ chế thiên cơ dự triệu thi* này do bị mất một số trang nên số lượng bài thơ không đủ 200 bài như trong lời tựa và sách *Đại Nam thực lục* dẫn chứng.

## 2. Tình hình văn bản, xuất xứ và kết cấu

- *Tình hình văn bản và xuất xứ:*

Theo sách *Mộc bản triều Nguyễn đề mục tổng quan* cho biết, *Ngũ chế thiên cơ dự triệu thi* 御製天機預兆詩, kí hiệu H90, sách gồm 2 quyển, 40 tờ, khổ in 19,5x27,5cm.

Trong cuốn *Mộc bản triều Nguyễn đề mục tổng quan* cho rằng, bộ sách này là sáng tác của Thiệu Trị, tuy nhiên, khi đối chiếu với chính sử *Đại Nam thực lục* thì bộ sách này là của Minh Mệnh được Thiệu Trị cho khắc in sau khi vua cha mất. “聖製詩六集文二集天機預兆詩集刊刻成,命內閣敬謹緝帙(*Thánh chế thi lục*

tập văn nhĩ tập Thiên cơ dự triệu thì tập san khắc thành, mệnh Nội các kính cẩn trương dật) Tập thơ thứ 6, tập văn thứ 2 và tập thơ “Thiên cơ dự triệu” của Tiên đế làm ra, đã khắc in xong. Sai Nội các kính cẩn bọc bì lụa.

Cũng theo sách Đại Nam thực lục: Thiên cơ dự triệu là tập thơ gồm 200 bài. Đại Nam thực lục chính biên cho biết: “Tập thơ thứ 6, tập văn thứ 2 và tập thơ “Thiên cơ dự triệu” của Tiên Đế làm ra, đã khắc in xong. Sai Nội các kính cẩn bọc bì lụa. Vua nhân cúng ngày mồng một, dâng các tập tâu ấy lên bàn thờ” [ 2, tr.189].

Theo khảo sát của chúng tôi và bài Tựa sách cho biết thêm, bộ sách này chia làm 2 quyển: Quyển Thượng và quyển Hạ. Quyển Thượng in mực màu đỏ gồm 100 bài. Quyển Hạ in mực đen cũng 100 bài. Tuy nhiên, bộ sách này ở Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV – Đà Lạt không đầy đủ. Hiện tại, quyển Thượng, kí hiệu H90/1, gồm 26 tờ. Trong đó có cả 6 tờ là bài Tựa của sách. Tuy nhiên, 4 tờ trong số đó là bài tựa của bộ sách khác, do xếp nhầm. Như vậy, phần chính của quyển Thượng chỉ còn lại 20 tờ, thiếu 6 tờ. Các tờ mất gồm: tờ 11, 12, 17, 18, 21, 22.

Do bị mất 6 tờ nên số bài thơ hiện còn của quyển Thượng không đủ 100 bài. Theo thống kê của chúng tôi, quyển Thượng chỉ còn 76 bài, như vậy quyển này thiếu 24 bài.

Quyển Hạ, kí hiệu H90/ 2, còn lại 20 tờ, thiếu 6 tờ. Các tờ mất gồm: tờ 13, 14, 19, 20, 21, 22.

Do quyển này bị mất 6 tờ nên số bài thơ cũng không đủ 100 bài. Qua thống kê quyển này

cũng chỉ còn lại 76 bài, như vậy, cũng thiếu 24 bài.

**Bảng thống kê các tờ và các bài thơ bị mất của tác phẩm Ngự chế thiên cơ dự triệu thì**

Quyển	Số tờ bị mất	Số bài bị mất	Số bài hiện còn
Thượng	6	24	76
Hạ	6	24	76

- Kết cấu của văn bản:

Kết cấu của văn bản gồm có bài Tựa, phần chính văn quyển Thượng và quyển Hạ, bài Bạt của đình thần, không có mục lục các bài thơ như các thi tập khác.

Tuy nhiên, bài Bạt mà sách Đại Nam thực lục nhắc đến “Còn về tập thơ Thiên cơ dự triệu thì sai Các thần là bọn Nguyễn Đình Tân làm bài Bạt [2, tr.55] đã không còn, có thể do mất ván in trong quá trình bảo quản và di chuyển.

Như vậy, nếu như văn bản mà đầy đủ thì kết cấu của sách sẽ là: Bài Tựa → quyển Thượng → quyển Hạ → bài Bạt.

Cách đặt tên các bài thơ là sự kết hợp của Thiên can: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý. Đầu tiên là sự kết hợp của thiên can thứ nhất là giáp. Giáp sẽ kết hợp lần lượt với các thiên can khác cho đến hết: 甲甲, 甲乙, 甲丙, 甲丁, 甲戊, 甲己, 甲庚, 甲辛, 甲壬, 甲癸. Sau khi hết vòng như vậy, sẽ đến sự kết hợp của các thiên can khác. Nếu như vậy thì ta sẽ có 10 thiên can x 10 = 100 bài. Con số này đúng như lời bài tựa và sách Đại Nam thực lục đã ghi chép.

**Bảng biểu thị sự kết hợp thiên can để đặt tên bài thơ**

Stt	Thiên can	甲	乙	丙	丁	戊	己	庚	辛	壬	癸
1	甲	甲甲	甲乙	甲丙	甲丁	甲戊	甲己	甲庚	甲辛	甲壬	甲癸
2	乙	乙甲	乙乙	乙丙	乙丁	乙戊	乙己	乙庚	乙辛	乙壬	乙癸
3	丙	丙甲	丙乙	丙丙	丙丁	丙戊	丙己	丙庚	丙辛	丙壬	丙癸
4	丁	丁甲	丁乙	丁丙	丁丁	丁戊	丁己	丁庚	丁辛	丁壬	丁癸
5	戊	戊甲	戊乙	戊丙	戊丁	戊戊	戊己	戊庚	戊辛	戊壬	戊癸
6	己	己甲	己乙	己丙	己丁	己戊	己己	己庚	己辛	己壬	己癸
7	庚	庚甲	庚乙	庚丙	庚丁	庚戊	庚己	庚庚	庚辛	庚壬	庚癸
8	辛	辛甲	辛乙	辛丙	辛丁	辛戊	辛己	辛庚	辛辛	辛壬	辛癸
9	壬	壬甲	壬乙	壬丙	壬丁	壬戊	壬己	壬庚	壬辛	壬壬	壬癸

10	癸	癸甲	癸乙	癸丙	癸丁	癸戊	癸己	癸庚	癸辛	癸壬	癸癸
----	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----

Tương tự như ở quyển Thượng, quyển Hạ cũng được tác giả sắp xếp như bảng trên. Tuy nhiên, do quá trình vận chuyển thư tịch cũng như bảo quản, tập thơ này đã bị mất đi 12 tờ. Mỗi một tờ khác 4 bài thơ, như vậy bộ sách này bị mất 48 bài thơ.

Về tiêu đề bài thơ được đặt theo các thiên can kết hợp với nhau, theo chúng tôi, cách đặt tiêu đề này chỉ là để đánh số thứ tự của các bài thơ. Ví dụ như Giáp giáp là bài thơ thứ nhất, Giáp át là bài thơ thứ hai, Giáp bình là bài thơ thứ ba...

### 3. Giới thiệu một số bài thơ trong *Ngự chế thiên cơ dự triệu thi*

Trong số gần 152 bài thơ hiện còn của văn bản này, chúng tôi xin chọn 10 bài để dịch nghĩa, bên cạnh đó, lựa chọn một số nội dung chủ yếu của tập thơ, từ đó, có cái nhìn khái quát nội dung của thi tập này.

Bài 1:

甲甲

金烏玉兔兩陰陽  
侵蝕為災望是祥  
箇裏勸君推仔細  
憂憂喜喜在行藏

**Giáp giáp** (quyển Hạ, tờ số 1)

*Kim ô ngọc thố lưỡng âm dương,*

*Xâm thực vi tai vọng thị tường.*

*Cá lý khuyến quân suy tử tế,*

*Ưu ưu hỉ hỉ tại hành tàng.*

**Dịch nghĩa:**

Ngọc thố Kim ô là thái âm và thái dương,

Việc xâm thực<sup>1</sup> bị xem là có tai họa nhưng hy vọng là điềm lành.

Khuyên anh nếu gặp như thế nên suy xét kỹ,

Mừng mừng lo lo ra làm quan hay về ở ẩn.

Chú thích: 金烏玉兔: Kim ô ngọc thố: tức

cách gọi chung của mặt trời mặt trăng. 相傳日中有金烏, 月中有玉兔, 常以金烏代表太陽, 玉兔代表月亮 (*Tương truyền nhật trung hữu kim ô, nguyệt trung hữu ngọc thố, thường dĩ kim ô đại biểu thái dương, ngọc thố đại biểu nguyệt lượng*). Tương truyền trong mặt trời có con quạ vàng, trong mặt trăng có con thỏ ngọc, thường lấy kim ô là thay thế cho Thái dương (mặt trời), ngọc thố thay thế cho Thái âm (mặt trăng).

Bài 2:

甲乙

虎頭蛇尾不為兇  
南北東西應在中  
君子小人難兩立  
致令艸偃乃因風

**Giáp át** (quyển Hạ, tờ 1)

*Hổ đầu xà vĩ bất vi hung,*

*Nam bắc đông tây ứng tại trung.*

*Quân tử tiểu nhân nan lưỡng lập,*

*Trí linh thảo yển nãi nhân phong.*

**Dịch nghĩa:**

Đầu hổ đuôi rắn chẳng phải là điềm xấu,

Đông tây nam bắc ứng ở giữa.

Người quân tử kẻ tiểu nhân khó đứng cùng nhau,

Gió thổi khiến cho cỏ rạp xuống.

Chú thích: 虎頭蛇尾: *Hổ đầu xà vĩ*: câu này ý chỉ đầu hổ thì to, đuôi rắn thì nhỏ, sự việc khi bắt đầu thanh thế rất lớn, đến sau sức mạnh lại rất nhỏ. Chỉ sự việc có đầu mà không có cuối. Minh Mệnh cho rằng gặp cảnh đầu hổ đuôi rắn cũng không phải là điềm xấu.

艸偃乃因風: *Thảo yển nãi nhân phong*: câu này lấy ý trong sách Luận ngữ, chương Nhan Uyên, 论语颜渊: “君子之德风, 小人之德草, 草上之风, 必偃 (*quân tử chi đức phong, tiểu nhân chi đức thảo, thảo thượng chi đức phong, tất yển*) [Luận Ngữ - Nhan Uyên]. (Đức của người quân tử như gió, đức của kẻ tiểu nhân như cỏ, Gió thổi qua

<sup>1</sup> Nói chuyện nhật thực nguyệt thực

cỏ tất rạp xuống). Quân tử ở đây chỉ nhà cầm quyền, tiểu nhân là dân chúng. Câu này ý chỉ là khi nhà cầm quyền ban bố điều luật thì dân chúng đều phục tùng.

Bài 3:

甲己

三更甫曉日升東  
喜氣怡怡體上融  
不道陰雲天降雨  
或逢北颯或春風

**Giáp kỷ** (quyển Hạ, tờ 2)

*Tam canh phủ hiểu nhật thăng đông,  
Hỷ khí di di thể thượng dung,  
Bất đạo âm vân thiên giáng vũ,  
Hoặc phùng bắc táp hoặc xuân phong.*

**Dịch nghĩa:**

Canh ba vừa sáng, mặt trời mọc ở phía đông,  
Không khí trong lành thân thể sáng khoái.  
Bất kể mây đen trời đổ mưa,  
Hoặc gặp gió bắc thổi hoặc gió xuân.

Bài 4:

甲辛

世間百事總浮雲  
乃有風吹水作紋  
一朵梅花牆內放  
遊人來往羨香聞

**Giáp tân** (quyển Hạ, tờ 2, 3)

*Thế gian bách sự tổng phù vân,  
Nãi hữu phong xuy thủy tác văn.  
Nhất đoá mai hoa tường nội phóng,  
Du nhân lai vãng tiển hương văn.*

**Dịch nghĩa:**

Trăm việc trên thế gian chỉ như áng mây nổi,  
Vì có gió thổi nước tạo ra làn sóng.  
Một đoá hoa mai nở nhô ra từ bên trong bức tường,  
Người qua người lại yêu thích hương mai.

Bài 5:

乙己

暑往寒來否又通  
北風冷冽又春風  
勸君不必增憂慮  
佇見岐黃已奏功

**Ất kỷ** (quyển Hạ, tờ 4, 5)

*Thử vãng hàn lai bỉ hựu thông,  
Bắc phong lãnh liệt hựu xuân phong.  
Khuyến quân bất tất tăng ưu lự,  
Trữ kiến Kỳ Hoàng dĩ tấu công.*

**Dịch nghĩa:**

Nóng qua lạnh tới, bế tắc lại hanh thông,  
Gió bắc lạnh lẽo (qua đi) lại có gió xuân.  
Khuyên anh đừng nên thêm lo nghĩ,  
Hãy xem thầy thuốc làm xong việc mới tâu công.

Chú thích: 岐黃: Kỳ Hoàng: tức là Kỳ Bá và Hoàng Đế, tương truyền là ông tổ của y gia 岐伯 和黃帝, 相傳為醫家之祖. Sau này, từ Kỳ Hoàng để chỉ thầy thuốc Đông y.

Bài 6:

庚丙

年老而悲反是愚  
大人不戰乃神巫  
塞翁失馬仍得馬  
問爾憂無抑喜無

**Canh bính** (quyển Hạ, tờ 16)

*Niên lão nhi bi phản thị ngu,  
Đại nhân bất chiến nãi thần vu.  
Tái ông thất mã nhưng đắc mã,  
Vấn nhĩ ưu vô ức hỉ vô.*

**Dịch nghĩa:**

Tuổi già mà buồn ngược lại là ngu,  
Đại nhân không chiến đấu bởi thầy bói thiêng.  
Tái ông mất ngựa nhưng được ngựa,  
Hỏi người buồn vui có có gì.

Bài 7:

癸庚

雲消雨散復開晴  
得失何須著意爭  
否後泰來循四序  
若容人處是人情

**Quý canh** (quyển Hạ, tờ 25)

*Vân tiêu vũ tán phục khai tình,  
Đắc thất hà tu trứ ý tranh.  
Bĩ hậu thái lai tuần tứ tự,  
Nhược dung nhân xử thị nhân tình.*

**Dịch nghĩa:**

Mây tan mưa ngớt trời lại tạnh,  
Được mất sao phải ý cạnh tranh.  
Sau bĩ thì thái đến theo tuần tự bốn mùa,  
Cũng giống như tha thứ cho người thì hợp  
tình người.

Bài 8:

己辛

登雲何故尚徘徊  
春信園中滿放梅  
垣外十人高下立  
金飆一陣動塵埃

**Kỷ tân** (quyển Thượng, tờ 15)

*Đăng vân hà cố thượng bồi hồi,  
Xuân tín viên trung mãn phóng mai.  
Viên ngoại thập nhân cao hạ lập,  
Kim tiêu nhất trận động trần ai.*

**Dịch nghĩa:**

Mây đã ùn lên có sao vẫn quấn quanh,  
Mai đã nở đầy trong vườn báo tin xuân.  
Ngoài tường mười người đứng cao thấp,  
Một trận gió vàng cuốn, hết cả bụi bặm.

Bài 9:

丁壬

花開柳展好良辰  
心裏融怡認得真  
一陣烏雲天上過  
淋漓雨降最愁人

**Đinh nhâm** (quyển Hạ, tờ 10)

*Hoa khai liễu triển hảo lương thân,  
Tâm lý dung di nhận đắc chân.  
Nhất trận ô vân thiên thượng quá,  
Lâm li vũ giáng tối sầu nhân.*

**Dịch nghĩa:**

Hoa nở liễu nảy mầm là thời tiết tốt,  
Trong lòng vui vẻ nhận ra vẻ chân thật.  
Một đám mây đen trên trời kéo đến,  
Mưa dầm dề khiến người cảm thấy buồn nhất.

Bài 10:

戊甲

蓮放一湖月一彎  
從容看水復看山  
無端斑點蛇攔路  
三尺難施且暫還

**Mậu giáp** (quyển Hạ, tờ 11)

*Liên phóng nhất hồ nguyệt nhất loan,  
Thung dung khán thủy phục khán san.  
Vô đoan ban điểm xà lan lộ,  
Tam xích nan thi thả tạm hoàn.*

**Dịch nghĩa:**

Một hồ sen nở một vầng trăng,  
Ung dung ngắm nước lại ngắm non.  
Vô có có chằm loang lổ như rắn chặn đường,  
Dẫu có ba thước gươm cũng khó thi thố,  
hãy tạm trở về.

#### 4. Vài nét về nội dung và nghệ thuật của tập thơ

*Ngự chế thiên cơ dự triệu thi* là tác phẩm mà vua Minh Mệnh làm thơ để biết được điềm xấu tốt xem xét các hiện tượng thiên nhiên như: trăng, sao, khí âm dương, cùng các loài vật hổ, rắn, rồng,

thỏ, ngựa, chó, gà,... có ảnh hưởng đến mùa màng, đến cuộc sống của nhân dân. Đặc biệt, con hổ, con rắn và con rồng được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong thơ.

Những bài thơ trong *Ngự chế thiên cơ dự triệu thi* ngoài việc chiêm nghiệm về các vấn đề tốt xấu của tự nhiên thì xen lẫn trong thơ là quan điểm của tác giả về vấn đề đó. Tác giả đã tổng kết quy luật bất di bất dịch của tự nhiên trời đất: “氣數由來否又亨, 飛龍虎躍妄相爭 *Khí số do lai bĩ hựu hanh*, [Quyển Thượng, tờ 1], (Khí số đến tấp rồi lại thông, rồng bay hổ nhảy tranh nhau hoài) hay như “雲消雨散復開晴 *Vân tiêu vũ tán phục khai tình* (Mây tan mưa ngớt trời lại tạnh). 暑往寒來又首年, 春花秋實結綿綿. 雄風一陣何方去, 皮核留來落滿筵. *Thử vãng hàn lai hựu thu niên. Xuân hoa thu thực kết miên miên. Hùng phong nhất trận hà phương khứ, Bì hạch lưu lai lạc mãn diên* [Quyển thượng, tờ 2], (Nóng qua lạnh tới lại đầu năm. Xuân thì nở hoa thu thì kết đầy quả. Một trận gió lớn từ đâu tới. Vỏ hạt rơi đầy trong bàn tiệc).

Nhiều bài thơ lại thể hiện nỗi tâm sự của tác giả đối với gia đình và xã hội, đó là tình cảm gia đình hòa thuận, con cháu thảo hiền và mong mọi người hãy nghĩ đến việc thiện mỗi ngày. “能調琴瑟一家和, 子孝孫賢喜氣多. 更得日常開善念, 牛頭鼠尾益榮華. *Năng điều cầm sắt nhất gia hòa, Tử hiếu tôn hiền hỷ khí đa. Cánh đắc nhật thường khai thiện niệm, Ngưu đầu thử vĩ ích vinh hoa* [Quyển Thượng, tờ 3], (Có thể điều hòa được tiếng đàn thì làm cho nhà được hòa mục, Con hiếu cháu hiền khí nhà vui nhiều. Lại được hàng ngày nghĩ đến làm việc thiện, Đầu trâu đuôi chuột lại càng vinh hoa).

Vua Minh Mệnh không những am tường về thiên nhiên thời tiết nắng mưa, nhận biết được kinh nghiệm sản xuất trong nông nghiệp mà còn có những bài thơ thể hiện sự điều hòa bản thân trong cuộc sống. “一生知爾慣行船, 測水觀風又看天. 羹用鹽梅舟用楫, 食甘寢穩兩皆全. *Nhất sinh tri nhĩ quán hành thuyền, Trắc thủy quan*

*phong hựu khán thiên. Canh dụng diêm mai chu dụng tiếp, Thực cam tâm ổn lương giai toàn* [Quyển Thượng, tờ 4], (Một đời biết anh chỉ quen việc đi thuyền, Đo mực nước xem hướng gió lại xem thiên văn. Canh nấu dùng muối đi thuyền thì dùng mái chèo, Ăn ngon ngủ yên được cả hai). Hay đó là mong muốn giản đơn, không ham sang giàu, không cần cầu thân với nhà quyền quý mà lại kết thân với nhà nông, hay không cần dự yến tiệc, nhưng chỉ cần được no đủ hai buổi sớm chiều. “可笑冬瓜撞木鐘, 不親庠序且親農. 鹿鳴宴上雖無預, 但得朝餐又暮餐. *Khả tiếu đông qua tràng mộc chung, Bất thân trường tự thả thân nông. Lộc minh yến thượng tuy vô dự, Dẫn đắc triệu xan hựu mộ xan* [Quyển Thượng, tờ 5], (Đáng cười tiếng chuông bằng quả bầu, Không thân quyền quý lại thân nông. Yến tiệc tuy rằng không tham dự, Chỉ cần no đủ sáng với chiều).

Không những nắm rõ quy luật tự nhiên, vua Minh Mệnh còn khuyên mọi người không nên gây thù kết oán. 水有來源木有根, 冤讎勿結叩重閭. *Thủy hữu lai nguyên mộc hữu căn, Oán thù vật kết khấu trùng hôn*. (Nước có nguồn chảy đến cây thì có rễ, Chớ có kết oán kết thù để lại đưa nhau đến gõ cửa quan).

Trong thơ *Ngự chế thiên cơ*, ngoài những câu thơ, ý thơ được vua Minh Mệnh dùng để chiêm nghiệm việc đời việc mưa nắng, khí hậu, nông tang, chính sự, cách dùng người... thì trong thơ còn có những dự đoán theo Kinh dịch. 只貪遊水復遊山, 川岳都從指顧間. 會見龍飛成利大, 知機君子任高攀. *Chỉ tham du thủy phục du sơn, Xuyên nhạc đô tông chỉ cố gian. Hội kiến long phi thành lợi đại, Tri cơ quân tử nhậm cao phan* [Quyển Thượng, tờ 7], (Chỉ tham du chơi vùng sông nước núi non, Sông núi đều thu vào trong tầm tay tầm mắt. Nếu gặp rồng bay lên thì lợi gặp nhiều thuận lợi, Biết được trách nhiệm cao quý của người quân tử).

Mặc dù tập thơ là *Thiên cơ dự triệu* nhưng trong đó cũng là những trần trở của vua Minh Mệnh khi nghĩ về nỗi lo lắng vất vả của nhà nông. 只恐田

園水旱侵, 何期順若稱農心. 夕朝何苦多 思慮, 善念蒼蒼自照臨. *Chỉ khùng điền viên thủy hạn xâm, Hà kì thuận nhược xứng nông tâm. Tịch triều hà khổ đa tư lự, Thiện niệm thương thương tự chiếu lâm* [Quyển Thượng, tờ 9]. (Chỉ sợ ruộng vườn ngập lụt hạn hán xâm lấn, Vụ nào thuận lợi để xứng với nỗi lòng của nhà nông. Sáng tối sao khổ suy nghĩ nhiều, Chỉ mong nghĩ điều thiện để trời xanh chiếu giám cho).

Quả thật, trong 152 bài thơ hiện còn có nhiều vấn đề cần nghiên cứu, tuy nhiên trong khuôn khổ một bài viết thật khó để dẫn chứng hết. Qua bài viết này, người viết chỉ mong giới thiệu khái quát về văn bản đến độc giả quan tâm nghiên cứu, từ đó làm sáng tỏ thêm những vấn đề thiên cơ mà vua Minh Mệnh đã để lại.

Về nghệ thuật, tác giả sử dụng hoàn toàn thể thơ thất ngôn tứ tuyệt trong toàn tập thơ. Ngoài ra, nghệ thuật sử dụng điển cố rất linh hoạt và khá nhiều trong tập thơ như: Tái ông thất mã (ông lão ở biên ải mất ngựa), lộ phùng xà hổ (trên đường gặp hổ và rắn), lấy điển tích Bất tường (Điềm xấu); Lộc minh (nai kêu), đây là điển lấy trong

Kinh thi tiếng nai kêu dùng để chỉ yến tiệc, lấy ý trong Kinh dịch quẻ Càn (Phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân), bên cạnh đó nhiều câu sử dụng thành ngữ như: Hồ đầu xà vĩ; Ngọc thố kim ô; Mã đầu xà vĩ; Ngưu đầu thử vĩ...

### 5. Thay lời kết

Bài viết mới chỉ giới thiệu khái quát về văn bản *Ngự chế thiên cơ dự triều thi* của vua Minh Mệnh, trong đó, tập trung đánh giá về văn bản học và giới thiệu một vài nét về nội dung, phiên âm, dịch nghĩa một số bài thơ. Như đã nói ở trên, đây là tập thơ được vua Thiệu Trị cho in sau khi vua Minh Mệnh mất, vì vậy, tập thơ này đã bị hiểu nhầm là của Thiệu Trị sáng tác. Do đó, bài viết một lần nữa khẳng định tập thơ này là của Minh Mệnh.

Đây cũng là lần đầu tiên tập *Ngự chế thiên cơ dự triều thi* được giới thiệu, ngay cả nhiều công trình nghiên cứu về thư tịch học trước đây cũng chưa từng nhắc đến tác phẩm này. Do vậy, bài viết cung cấp thêm tư liệu mới để các nhà nghiên cứu khai thác và nghiên cứu sâu hơn nữa về tư tưởng của bộ thi tập này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Minh Mệnh, *Ngự chế thiên cơ dự triều thi* 御製天機預兆詩, kí hiệu H90, TTLTQGIV.
- [2] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 6, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II (2004), *Mộc bản triều Nguyễn - Đề mục tổng quan*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.